TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **634**/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 635/2019/TLST-VDS ngày 15 tháng 11 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Mai Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: KDC Đ, khu phố X3, phường A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh.

+ Ông Nguyễn Anh S, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 45/5, Tổ 5, Khu phố 10, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn Anh S là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 23/3/1994 (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 05) tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sông Bé (nay là thị xã L, tỉnh Bình Phước). Sau khi kết hôn bà T, ông S chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Bà T, ông S nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T, ông S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà T, ông S có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 26/3/1995 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 24/02/2000. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án

nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn Anh S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T, ông S có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 26/3/1995 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 24/02/2000. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn Anh S mỗi người nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041048 ngày 15/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP.M;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Bình